# Tạo bản tin

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tạo bản tin:** Cho phép người dùng có thể soạn tin, kèm những file hình ảnh, âm thanh, video và các tin liên quan | | |
| **Stakeholder liên quan:**  Phóng viên, biên tập, tổng biên tập | | ID: F01 |
| Operational Consideration | Stakeholder response | |
| Mô tả tổng quan | Hệ thống cho phép người dùng soạn thảo bản tin và tải hình ảnh, âm thanh, video, đính kèm các tin lien quan lên cùng với bản tin | |
| Mô tả những hoạt động của các bên lien quan | Công tác viên sẽ thu thập thông tin, tin tức và gửi về cho phóng viên, phóng viên sử dụng chức năng này để soạn bản tin. Biên tập và tổng biên tập cũng có thể soạn tin | |
| Dữ liệu đầu vào | Văn bản và có thể thêm file đính kèm (hình ảnh (chất lượng cao), file âm thanh, file video, dữ liệu khác), các tin liên quan (tin có nội dung liên quan đến bản tin đang soạn), tin đã đưa (các tin trong cùng danh mục với bản tin đang soạn). | |
| Ngữ cảnh hoạt động | Case 1: Cộng tác viên thu thập thông tin mới, phóng viên dựa vào thông tin đó soạn tin  Case 2: Biên tập, tổng biên tập tự tìm ra thông tin, ý tưởng bài viết mới và soạn tin | |
| Hồi đáp/phản ứng của hệ thống | Bản tin sau khi tạo sẽ lưu vào danh sách chờ gửi xét duyệt, riêng tổng biên tập thì bản tin đưa và danh sách chờ duyệt đưa ra internet | |
| Dữ liệu đầu ra | Bản tin mới được tạo | |
| Các bên liên quan sử dụng dữ liệu đầu ra | Phóng viên, biên tập, biên tập viên | |

# Sửa bản tin

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Sửa bản tin:** Cho phép người dùng có thể chỉnh sửa bản tin | | |
| **Stakeholder liên quan:**  Phóng viên, biên tập, tổng biên tập | | ID: F02 |
| Operational Consideration | Stakeholder response | |
| Mô tả tổng quan | Hệ thống cho phép người dùng chỉnh sửa nội dung bản tin. | |
| Mô tả những hoạt động của các bên lien quan | Phóng viên, biên tập, tổng biên tập có thể chỉnh sửa lại bản tin. Bản tin đã được gửi lên cấp trên sẽ không được sửa trừ khi được gửi trả về | |
| Dữ liệu đầu vào | 1/Bản tin được tổng biên tập gửi trả về cho biên tập hoặc phóng viên  2/Bản tin được biên tập gửi trả về cho phóng viên  3/Bản tin được gửi lên nhưng chưa được xét duyệt, phóng viên có thể lấy lại và chỉnh sửa | |
| Ngữ cảnh hoạt động | Case 1: Tổng biên tập duyệt tin, bản tin đó có sai sót và gửi ra về cho biên tập hoặc phóng viên để chỉnh sửa  Case 2: Biên tập duyệt tin, bản tin có sai sót và gửi trả về cho phóng viên để chỉnh sửa  Case 3: Phóng viên hoặc biên tập soạn tin và gửi lên cấp trên, trong lúc chờ xét duyệt vẫn có thể lấy lại để chỉnh sửa | |
| Hồi đáp/phản ứng của hệ thống | Hệ thống hiển thị nội dung bản tin được soạn, người dùng có thể chỉnh sửa trên nội dung đó | |
| Dữ liệu đầu ra | Bản tin được chỉnh sửa | |
| Các bên liên quan sử dụng dữ liệu đầu ra | Biên tập, tổng biên tập | |

# Xem trước bản tin

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Xem trước:** Cho phép người dùng có thể xem bản tin sơ bộ trước khi bản tin được gởi lên | | |
| **Stakeholder liên quan:**  Phóng viên, biên tập, tổng biên tập | | ID: F03 |
| Operational Consideration | Stakeholder response | |
| Mô tả tổng quan | Hệ thống hiển thị toàn bộ nội dung cũng như các nội dung đi kèm khác như một bản tin chính thức để người dùng có thể thấy trước bản tin soạn thảo có hợp lý chưa | |
| Mô tả những hoạt động của các bên lien quan | Phóng viên, biên tập, tổng biên tập có thể xem trước nội dung bản tin, hỉnh ảnh, video… được hiển thị như thế nào | |
| Dữ liệu đầu vào | Thông tin, video, hỉnh ảnh, file đính kèm… đang được soạn thảo | |
| Ngữ cảnh | Phóng viên, biên tập, tổng biên tập đang soạn thảo và muốn xem trước bài viết của mình ra sao. | |
| Hồi đáp/phản ứng của hệ thống | Hệ thống sẽ hiển thị toàn bộ thông tin người dùng đang soạn thảo như một bản tin chính, người dùng dựa vào đó mà sẽ có chỉnh sửa kịp thời | |
| Dữ liệu đầu ra | Bản tin đang được soạn thảo | |
| Các bên liên quan sử dụng dữ liệu đầu ra | Phóng viên, biên tập, tổng biên tập | |

# Xem bản tin

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Xem tin:** Cho phép người dùng có thể xem lại bản tin | | |
| **Stakeholder liên quan:**  Phóng viên, biên tập, tổng biên tập | | ID: F04 |
| Operational Consideration | Stakeholder response | |
| Mô tả tổng quan | Hệ thống cho phép người dùng xem bản tin đã được tạo | |
| Mô tả những hoạt động của các bên lien quan | Phóng viên, biên tập, tổng biên tập chọn một bản tin đã soạn và xem lại tin đó. | |
| Dữ liệu đầu vào | Bản tin đã được tạo | |
| Ngữ cảnh hoạt động | Sau khi tạo bản tin, phóng viên, biên tập, tổng biên tập muốn xem lại bài viết của mình, họ có thể mở thông tin chi tiết bài viết đó | |
| Hồi đáp/phản ứng của hệ thống | Hệ thống sẽ hiển thị toàn bộ thông tin bài viết | |
| Dữ liệu đầu ra | Hiển thị nội dung bài viết | |
| Các bên liên quan sử dụng dữ liệu đầu ra | Phóng viên, biên tập, tổng biên tập | |

# Duyệt tin

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Duyệt tin:** Cho phép người dùng có thẩm quyền xem cái bản tin cấp dưới gửi lên | | |
| **Stakeholder liên quan:**  Biên tập, tổng biên tập | | ID: F05 |
| Operational Consideration | Stakeholder response | |
| Mô tả tổng quan | Hệ thống cho phép người dùng (biên tập, tổng biên tập) xem các bản tin đang chờ xét duyệt | |
| Mô tả những hoạt động của các bên lien quan | Biên tập, tổng biên tập chọn một bản tin chờ duyệt và xem bản tin đó | |
| Dữ liệu đầu vào | 1/ Bản tin phóng viên gửi cho biên tập  2/Bản tin biên tập gửi cho tổng biên tập  3/Bản tin phóng viên gửi cho tổng biên tập. | |
| Ngữ cảnh hoạt động | Case 1: Biên tập nhận bản tin từ phóng viên và xem xét từng bản tin đó  Case 2: Tổng biên tập nhận bản từ biên tập và xem xét các bản tin đó  Case 3: Tổng biên tập nhận bản tin từ phóng viên và xem xét lại bản tin đó | |
| Hồi đáp/phản ứng của hệ thống | Biên tập hoặc tổng biên tập có thể chọn bản tin trong danh sách bản tin chờ duyệt và xem chi tiết của bản tin đó. Hệ thống hiển thị chi tiết bản tin được chọn | |
| Dữ liệu đầu ra | Biên tập hoặc tổng biên tập sau khi duyệt tin, bản tin sẽ được đưa vào danh sách đã duyệt hoặc sẽ được gửi về cho người soạn | |
| Các bên liên quan sử dụng dữ liệu đầu ra | Phóng viên hoặc biên tập sẽ nhận bản tin gửi trả về.  Nếu tổng biên tập xét duyệt và chấp nhận, bản tin sẽ được đưa lên internet hoặc mạng nội bộ | |

# Xóa bản tin

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Xóa bản tin:** Cho phép người dùng có thể xóa bản tin ra khỏi danh sách tin đang nắm giữ, tin đã xóa có thể được đưa vào trong danh sách chờ, danh sách chờ này có thể được yêu cầu xóa khỏi hệ thống | | |
| **Stakeholder liên quan:**  Phóng viên, biên tập, tổng biên tập | | ID: F06 |
| Operational Consideration | Stakeholder response | |
| Mô tả tổng quan | Hệ thống cho phép người dùng xóa những tin không mong muốn ra khỏi danh sách tin đang nắm giữ, tin này sẽ được chuyển vào trong danh sách tin rác và chờ để được xóa khỏi hệ thống.  Người dùng có thể chọn và xóa khỏi hệ thống. | |
| Mô tả những hoạt động của các bên lien quan | Người dùng có thể chọn tin cần xóa và nhấp vào nút xóa để xóa tin không mong muốn | |
| Dữ liệu đầu vào | Bản tin đã được soạn thảo sẵn trên hệ thống. | |
| Ngữ cảnh đầu vào | Người dùng chọn một tin cần xóa và nhấn xóa | |
| Hồi đáp/phản ứng của hệ thống | Sau khi người dùng chọn xóa tin thì hệ thống sẽ yêu cầu xác nhận lại xem có thật sự muốn xóa tin đâng chọn không | |
| Dữ liệu đầu ra | Bản tin được yêu cầu xóa sẽ được đưa tới danh sách chờ xóa để người dùng có thể chọn xóa hẳn bản tin ra khỏi hệ thống | |
| Các bên liên quan sử dụng dữ liệu đầu ra | N/A | |

# Đăng tin

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đăng tin:** Cho phép người dùng có thể đăng bản tin lên internet hay intranet. | | |
| **Stakeholder liên quan:**  Tổng biên tập | | ID: F07 |
| Operational Consideration | Stakeholder response | |
| Mô tả tổng quan | Hệ thống cho phép người dùng có thể đăng bản tin internet và intranet | |
| Mô tả những hoạt động của các bên lien quan | Tổng biên tập có thể đăng bản tin lên internet hoặc intranet. | |
| Dữ liệu đầu vào | Bản tin đã được đăng trên internet và intranet | |
| Ngữ cảnh hoạt động | Tổng biên tập chọn một bản tin đã được xét duyệt và đăng bản tin đó lên internet hoặc intranet | |
| Hồi đáp/phản ứng của hệ thống | Hệ thống hiển thị thông báo bản tin đã được đăng lên internet | |
| Dữ liệu đầu ra | Bản tin được đăng lên internet, intranet | |
| Các bên liên quan sử dụng dữ liệu đầu ra | N/A | |

# Hạ bản tin

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hạ bản tin:** Cho phép người dùng có thể hạ bản tin sau khi đăng trên internet hay intranet. | | |
| **Stakeholder liên quan:**  Tổng biên tập | | ID: F02 |
| Operational Consideration | Stakeholder response | |
| Mô tả tổng quan | Hệ thống cho phép người dùng có thể hạ bản tin đang được đăng trên internet và intranet xuống. | |
| Mô tả những hoạt động của các bên lien quan | Tổng biên tập có thể hạ bản tin từ trên internet hoặc intranet. | |
| Dữ liệu đầu vào | Bản tin đã được đăng trên internet và intranet | |
| Ngữ cảnh hoạt động | Tổng biên tập chọn một tin đã được duyệt và đưa bản tin đó lên internet hoặc intranet | |
| Hồi đáp/phản ứng của hệ thống | Hệ thống hiển thị thông báo yêu cầu người dùng xác nhận có muốn hạ tin xuống không | |
| Dữ liệu đầu ra | Bản tin được hạ xuống khỏi internet, intranet và hiển thị trong danh sách các tin được hạ | |
| Các bên liên quan sử dụng dữ liệu đầu ra | N/A | |

# Sắp xếp bản tin

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Xem trước:** Cho phép người dùng có thể sắp xếp bản tin khi đăng lên internet hoặc intranet | | |
| **Stakeholder liên quan:**  Tổng biên tập | | ID: F03 |
| Operational Consideration | Stakeholder response | |
| Mô tả tổng quan | Hệ thống hiển thị danh sách bản tin đã đăng lên để người dùng sắp xếp thứ tự bản tin | |
| Mô tả những hoạt động của các bên lien quan | Tổng biên tập có thể xem trước nội dung bản tin được hiển thị lên internet hoặc intranet và điều chỉnh thứ tự sắp xếp của bản tin. | |
| Dữ liệu đầu vào | Các bản tin được đưa lên internet hoặc intranet. | |
| Ngữ cảnh hoạt động | Người dùng tự do chọn lựa bản tin nằm ở vị trí nào đó trên website và thứ tự hiển thị các bản tin đó | |
| Hồi đáp/phản ứng của hệ thống | N/A | |
| Dữ liệu đầu ra | Danh sách bản tin trên internet và intranet hiển thị như mong muốn của khách hàng | |
| Các bên liên quan sử dụng dữ liệu đầu ra | N/A | |

# Tìm kiếm bản tin

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Xem tin:** Cho phép người dùng có thể tìm kiếm bản tin | | |
| **Stakeholder liên quan:**  Phóng viên, biên tập, tổng biên tập | | ID: F04 |
| Operational Consideration | Stakeholder response | |
| Mô tả tổng quan | Hệ thống cho phép người dùng tìm kiếm bản tin mà mình đang nắm giữ | |
| Mô tả những hoạt động của các bên lien quan | Phóng viên, biên tập, tổng biên tập nhập tên bản tin cần tìm, và chọn tìm kiếm | |
| Dữ liệu đầu vào | Phóng viên, biên tập, tổng biên tập nhập tên bản tin cần tìm. | |
| Ngữ cảnh hoạt động | Người dùng cần tìm một bản tin nào đó, người dùng nhập tiêu đề hoặc nội dung cần tìm và nhấn tìm kiểm | |
| Hồi đáp/phản ứng của hệ thống | Hệ thống sẽ hiển thị toàn bộ danh sách bản tin gần đúng với tên mà người dùng cần tìm | |
| Dữ liệu đầu ra | Mẫu bản tin được hiển thị | |
| Các bên liên quan sử dụng dữ liệu đầu ra | N/A | |

# Chuyển tin

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Duyệt tin:** Cho phép người dùng có thẩm quyền chuyển tin cho cấp trên hoặc chuyển tin về cho cấp dứoi | | |
| **Stakeholder liên quan:**  Phóng viên, Biên tập, tổng biên tập | | ID: F05 |
| Operational Consideration | Stakeholder response | |
| Mô tả tổng quan | Hệ thống cho phép người dùng chuyển bản tin cần duyệt cho người cần gửi | |
| Mô tả những hoạt động của các bên liên quan | Phóng viên, Biên tập, tổng biên tập chọn một bản tin chờ duyệt và chọn người duyệt tin, chọn duyệt tin | |
| Dữ liệu đầu vào | Phóng viên gửi bản tin lên biên tập  Phóng viên gửi bản tin lên cho tổng biên tập  Biên tập gửi bản tin lên tổng biên tập. | |
| Ngữ cảnh hoạt động | Case 1: phóng viên soạn tin và chuyển tin cho biên tập  Case 2: biên tập soạn tin và chuyển tin cho tổng biên tập  Case 3: phóng viên chỉnh sửa bản tin và chuyển tin lại cho tổng biên tập. | |
| Hồi đáp/phản ứng của hệ thống | Hiển thị thông báo bản tin đã được gửi đi. | |
| Dữ liệu đầu ra | Bản tin được hiển thị trong danh sách chờ duyệt của biên tập hoặc tổng biên tập. | |
| Các bên liên quan sử dụng dữ liệu đầu ra | Phóng viên hoặc biên tập sẽ nhận bản tin và quyết định duyệt hay không | |

# Ủy quyền

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Duyệt tin:** Cho phép tổng biên tập có thể ủy quyền cho người khác có thể thực hiện các quyền của tổng biên tập | | |
| **Stakeholder liên quan:**  Tổng biên tập | | ID: F05 |
| Operational Consideration | Stakeholder response | |
| Mô tả tổng quan | Hệ thống cho phép tổng biên tập có thể ủy quyền cho người khác | |
| Mô tả những hoạt động của các bên liên quan | Tổng biên tập chọn một người cần ủy quyền và cấp quyền cho họ trong một khoản thời gina | |
| Dữ liệu đầu vào | Danh sách những người chờ ủy quyền | |
| Ngữ cảnh hoạt động | Tổng biên tập muốn ủy quyền cho người khác khi tổng biên tập bận việc | |
| Hồi đáp/phản ứng của hệ thống | Cấp quyền cho người được ủy quyền | |
| Dữ liệu đầu ra | Người được ủy quyền sẽ có các quyền của tổng biên tập trong một khoảng thời giàn | |
| Các bên liên quan sử dụng dữ liệu đầu ra | Phóng viên, Biên tập | |

# Quality Attribute

|  |  |
| --- | --- |
| **Stakeholder**: Phóng viên, biên tập viên, tổng biên tập | **ID**: 01 |
| Quality Attribute: Performance | |
| **Reason for Quality Attribute:** | |
| Tốc độ hồi đáp của hệ thống không được quá chậm | |
| **Stakeholder’s Quality Attribute story:** | |
| Bản tin hiển thị không quá 2 giây  Bản tin khởi tạo được lưu không quá 3 giây  Bản tin được gửi trả về không quá 2 giây | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Stakeholder**: Phóng viên, biên tập viên, tổng biên tập | **ID**: 02 |
| Quality Attribute: Security | |
| **Reason for Quality Attribute:** | |
| Lỗi của hệ thống phải được che khuất, dữ liệu người dùng phải được mã hóa | |
| **Stakeholder’s Quality Attribute story:** | |
| Tài khoản và mật khẩu người dùng phải đươc mã hóa trong database  Lỗi hệ thống phải được xử lý | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Stakeholder**: Phóng viên, biên tập viên, tổng biên tập | **ID**: 03 |
| Quality Attribute: Usability | |
| **Reason for Quality Attribute:** | |
| Làm cho giao diện dễ sử dụng, người dùng có thể thao tác nhanh, giảm thời gian chờ khi qua trang khác | |
| **Stakeholder’s Quality Attribute story:** | |
| Login vào hệ thống không quá 2 thao tác  Vào được giao diện cần thiết không quá 3 thao tác | |